



Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

Số 0200453688

ngày 2 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 2 tháng 7 năm 2015.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên
Ông Hoàng Trọng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên (<i>từ ngày 23/3/2015</i>)
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên (<i>từ ngày 23/3/2015</i>)
Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên (<i>từ ngày 23/3/2015</i>)
Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên (<i>từ ngày 23/3/2015</i>)
Ông Lương Hoài Trân	Thành viên (<i>đến ngày 22/3/2015</i>)
Ông Chada Gurudas Rajiv	Thành viên (<i>đến ngày 22/3/2015</i>)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Bạo	Giám đốc Tài chính (<i>từ ngày 25/3/2015</i>)
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc Kỹ thuật (<i>từ ngày 25/3/2015</i>)
	Phó Tổng Giám đốc (<i>đến ngày 24/3/2015</i>)
Ông Hoàng Trọng Giang	Phó Tổng Giám đốc (<i>đến ngày 24/3/2015</i>)
Ông Lương Hoài Trân	Phó Tổng Giám đốc (<i>đến ngày 24/3/2015</i>)

Trụ sở đăng ký

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”)
Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc




Nguyễn Văn Tiên
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 2 năm 2016

1120
CÔNG
NHIỆ
KPI
TỰ LIỆ

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 2 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

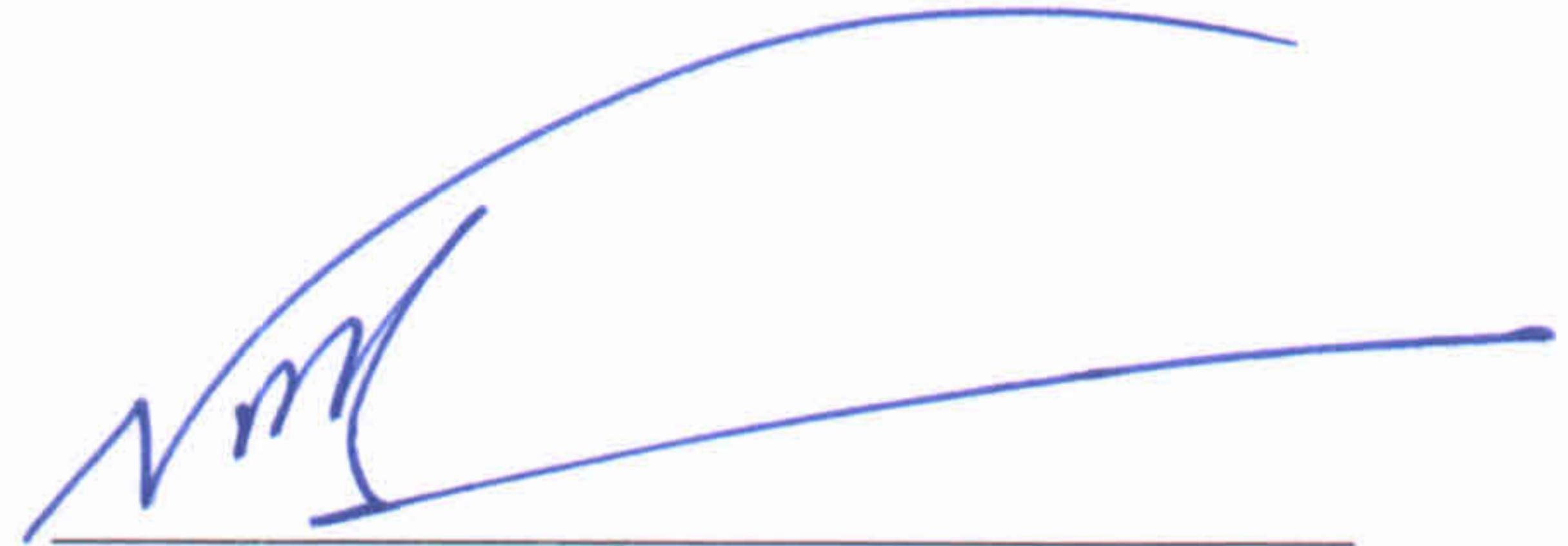
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-118-2




Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 2016



Nguyễn Minh Hiếu
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1572-2013-007-1

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		585.876.092.207	480.360.425.206
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	332.397.641.629	216.024.629.908
Tiền	111		76.505.141.629	82.525.735.897
Các khoản tương đương tiền	112		255.892.500.000	133.498.894.011
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		78.525.947.673	52.105.720.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	78.525.947.673	52.105.720.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		92.980.974.388	158.634.297.205
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	81.639.368.446	93.888.427.203
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.145.522.828	49.081.186.818
Phải thu ngắn hạn khác	136		8.229.320.448	16.721.618.438
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.033.237.334)	(1.056.935.254)
Hàng tồn kho	140	8	9.960.417.201	7.338.432.080
Hàng tồn kho	141		9.960.417.201	7.338.432.080
Tài sản ngắn hạn khác	150		72.011.111.316	46.257.346.013
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.183.023.513	1.139.830.264
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14(a)	70.824.298.690	45.117.515.749
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.789.113	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.638.136.117.093	1.014.741.606.587
Các khoản phải thu dài hạn	210		291.066.000	-
Phải thu dài hạn khác	216		291.066.000	-
Tài sản cố định	220		958.833.168.642	415.333.788.789
Tài sản cố định hữu hình	221	9	944.620.839.203	404.658.535.754
Nguyên giá	222		1.356.793.052.719	758.313.070.560
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(412.172.213.516)	(353.654.534.806)
Tài sản cố định vô hình	227	10	14.212.329.439	10.675.253.035
Nguyên giá	228		15.842.344.742	11.691.235.603
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.630.015.303)	(1.015.982.568)
Tài sản dở dang dài hạn	240		82.695.831.636	5.652.438.424
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	82.695.831.636	5.652.438.424
Đầu tư tài chính dài hạn	250		108.889.668.002	100.330.277.837
Đầu tư vào công ty liên kết	252	6(b)	108.579.668.002	99.865.277.837
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	310.000.000	465.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		487.426.382.813	493.425.101.537
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	487.426.382.813	492.789.424.037
Tài sản dài hạn khác	268		-	635.677.500
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.224.012.209.300	1.495.102.031.793

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		792.839.839.659	279.221.472.908
Nợ ngắn hạn	310		374.986.497.931	269.661.492.908
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	204.302.875.593	88.408.538.275
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.095.259.374	1.362.635.071
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(b)	19.115.320.125	27.056.907.393
Phải trả người lao động	314		42.102.442.516	32.866.432.362
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		736.697.174	5.583.922.922
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	62.125.462.890	70.839.344.083
Vay ngắn hạn	320	16(a)	7.012.140.000	3.893.101.980
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.982.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	34.514.300.259	39.650.610.822
Nợ dài hạn	330		417.853.341.728	9.559.980.000
Phải trả dài hạn khác	337		276.500.000	499.100.000
Vay dài hạn	338	16(b)	417.576.841.728	9.060.880.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.431.172.369.641	1.215.880.558.885
Vốn chủ sở hữu	410	18	1.431.172.369.641	1.215.880.558.885
Vốn cổ phần	411	19	414.160.420.000	345.415.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		414.160.420.000	345.415.410.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	18	36.141.891.246	37.231.904.775
Cổ phiếu quỹ	415	18	-	(10.396.631.245)
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	537.563.930.272	435.340.718.031
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	274.832.862.734	250.789.157.324
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		37.500.472.767	2.705.531.767
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		237.332.389.967	248.083.625.557
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	18	168.473.265.389	157.500.000.000
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.224.012.209.300	1.495.102.031.793

Ngày 18 tháng 2 năm 2016

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:




Trần Xuân Bảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

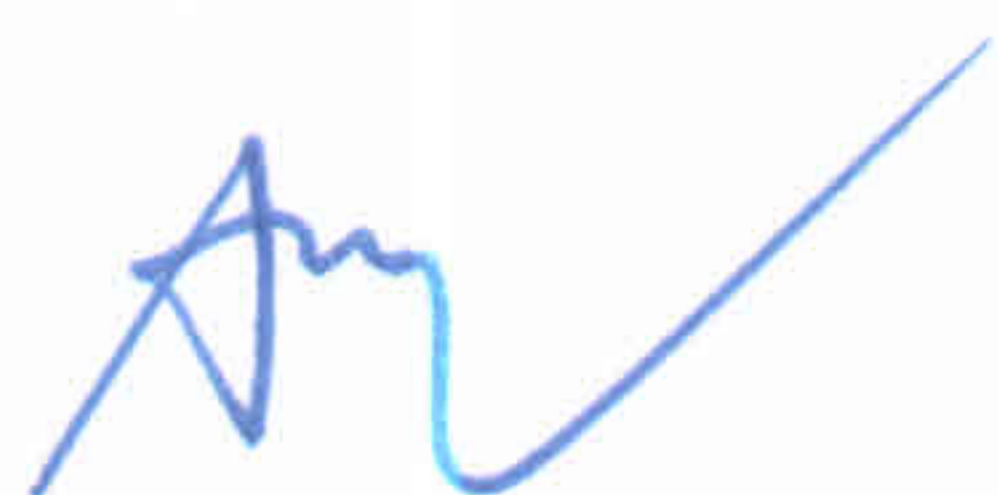
Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã trình bày lại
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	23	927.822.760.012	891.241.921.351
Giá vốn hàng bán	11		557.307.986.061	579.451.901.239
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		370.514.773.951	311.790.020.112
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	14.460.099.360	16.159.561.451
Chi phí tài chính	22	25	1.659.116.790	(7.765.982.197)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		913.027.313	413.615.830
Phần lãi trong công ty liên kết	24		10.040.909.479	13.318.106.855
Chi phí bán hàng	25		8.068.991.481	2.959.342.385
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		41.175.942.511	45.094.326.936
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		344.111.732.008	300.980.001.294
Thu nhập khác	31	26	4.559.829.591	1.638.992.841
Chi phí khác	32	27	2.543.918.564	221.642.013
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.015.911.027	1.417.350.828
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		346.127.643.035	302.397.352.122
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	69.438.195.679	54.313.726.565
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		276.689.447.356	248.083.625.557
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		279.258.328.386	248.083.625.557
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.568.881.030)	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	6.282	Đã điều chỉnh lại 5.413

Ngày 18 tháng 2 năm 2016

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
 Phó phòng Kế toán

Người duyệt:




Trần Xuân Bảo
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**
(Phương pháp gián tiếp)**Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2015 VND	2014 VND Đã trình bày lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	346.127.643.035	302.397.352.122
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	89.728.845.499	73.375.693.509
Các khoản dự phòng	03	(23.697.920)	(8.265.067.152)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(205.827.859)	(50.704.960)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(23.914.965.607)	(28.562.561.333)
Chi phí lãi vay	06	913.027.313	413.615.830
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	412.625.024.461	339.308.328.016
Biến động các khoản phải thu	09	18.953.150.761	17.112.686.083
Biến động hàng tồn kho	10	(2.621.985.121)	2.984.366.263
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(18.123.549.782)	(37.877.948.238)
Biến động chi phí trả trước	12	9.087.816.760	(6.394.763.144)
		419.920.457.079	315.132.668.980
Tiền lãi vay đã trả	14	(989.541.530)	(432.032.373)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(72.398.180.449)	(52.754.292.128)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	4.368.070.782	(1.362.635.071)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(30.794.302.379)	(24.158.923.124)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	320.106.503.503	236.424.786.284

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2015 VND	2014 VND
			Đã trình bày lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(589.924.420.365)	(309.937.946.004)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	22.123.993.416	566.336.736
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(26.420.227.673)	(33.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	15.559.886.511
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	187.649.600	22.635.361.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	14.436.309.792	24.305.222.787
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(579.596.695.230)	(279.871.138.970)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Nhận tiền góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	31	13.557.250.000	22.500.000.000
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	9.306.617.716	-
Tiền thu từ đi vay	33	415.528.101.728	8.627.817.088
Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.893.101.980)	(4.734.715.108)
Tiền trả cổ tức	36	(58.841.491.875)	(48.697.966.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	375.657.375.589	(22.304.864.020)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	116.167.183.862	(65.751.216.706)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm (Thuyết minh 5)	60	216.024.629.908	281.725.141.654
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	205.827.859	50.704.960
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	332.397.641.629	216.024.629.908

Ngày 18 tháng 2 năm 2016

Người lập:


Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Theo Quyết định số 01-15/QĐ-TSCĐ của Tổng Giám đốc Công ty ban hành ngày 3 tháng 1 năm 2015 và Quyết định số 72/QĐ-TL ban hành ngày 1 tháng 6 năm 2015, Công ty đã thực hiện thanh lý các sà lan và một số rơ-moóc có giá trị còn lại là 15.901 triệu VND. Khoản lỗ từ hoạt động thanh lý và chi phí thanh lý trị giá 2.228 triệu VND được phản ánh trong khoản mục Chi phí khác.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 7 công ty con (1/1/2015: 7 công ty con) như sau:

	% sở hữu và quyền biểu quyết	
	31/12/2015	1/1/2015
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	100%	100%
Công ty Cổ phần Container Miền Trung (trước đây là Công ty TNHH Container Miền Trung)	65%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Tuyển T.S (*)	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh	100%	100%
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	65%	65%

(*) Theo Nghị quyết số 11/2015/NQ-HĐQT ban hành ngày 27 tháng 7 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua chủ trương giải thể Công ty TNHH Tuyển T.S. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty TNHH Tuyển T.S đang thực hiện các thủ tục giải thể.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty và các công ty con có 3 công ty liên kết (1/1/2015: 3 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh số 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty và các công ty con có 967 nhân viên (1/1/2015: 838 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập theo phương pháp trực tiếp. Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, số liệu so sánh của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty và các công ty con đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các công ty con và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(b)); và
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh 4(r)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty và các công ty con được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty và các công ty con, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty và các công ty con phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty và các công ty con trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

HHH
I/OI

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 7 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 23 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 12 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 35 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh kho bãi và cung cấp các dịch vụ bốc xếp, vận tải container và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các công ty liên quan đề cập tới các công ty liên kết của Công ty và các công ty con.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	2.633.698.841	2.455.957.820
Tiền gửi ngân hàng	73.871.442.788	80.069.778.077
Các khoản tương đương tiền	255.892.500.000	133.498.894.011
	332.397.641.629	216.024.629.908

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	78.525.947.673	52.105.720.000
	78.525.947.673	52.105.720.000

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Đầu tư góp vốn vào:					
• Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai	Hải Phòng		49%	3.061.716.000	3.061.716.000
• Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng	111.000	37%	12.210.000.000	12.210.000.000
• Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Hải Phòng	8.820.200	22%	93.307.952.002	84.593.561.837
				108.579.668.002	99.865.277.837

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Địa chỉ	31/12/2015			1/1/2015		
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:						
• Công ty TNHH Thành phố MSC Việt Nam Hồ Chí Minh	10%	310.000.000	-	15%	465.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty TNHH APL-NOL Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	7.963.587.548	5.529.224.080
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Đại lý Hàng hải Hải Phòng	5.505.268.102	5.085.099.380
Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Evergreen Việt Nam	12.997.042.673	10.273.389.388
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	3.388.406.270	8.283.674.547
Các khách hàng khác	51.785.063.853	64.717.039.808
	81.639.368.446	93.888.427.203

8. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	9.265.645.597	-	6.671.597.927	-
Công cụ và dụng cụ	149.252.590	-	2.533.383	-
Hàng hóa	545.519.014	-	664.300.770	-
	9.960.417.201	-	7.338.432.080	-

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	307.762.585.560	4.211.149.618	11.206.690.164	435.132.645.218	758.313.070.560
Tăng trong năm	6.210.749.091	-	2.046.568.008	25.860.660.634	34.117.977.733
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	229.964.824.336	4.500.111.420	19.842.905.926	338.055.819.657	592.363.661.339
Thanh lý	(81.100.000)	-	-	(27.794.740.095)	(27.875.840.095)
Xóa sổ	-	(125.816.818)	-	-	(125.816.818)

Số dư cuối năm

543.857.058.987	8.585.444.220	33.096.164.098	771.254.385.414	1.356.793.052.719
-----------------	---------------	----------------	-----------------	-------------------

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	118.380.978.700	1.662.993.426	4.128.523.135	229.482.039.545	353.654.534.806
Khấu hao trong năm	25.486.899.789	922.574.949	2.696.270.014	41.213.043.505	70.318.788.257
Thanh lý	(79.663.595)	-	-	(11.595.629.134)	(11.675.292.729)
Xóa sổ	-	(125.816.818)	-	-	(125.816.818)

Số dư cuối năm

143.788.214.894	2.459.751.557	6.824.793.149	259.099.453.916	412.172.213.516
-----------------	---------------	---------------	-----------------	-----------------

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	189.381.606.860	2.548.156.192	7.078.167.029	205.650.605.673	404.658.535.754
Số dư cuối năm	400.068.844.093	6.125.692.663	26.271.370.949	512.154.931.498	944.620.839.203

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 155.070 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 109.724 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 626.827 triệu VND (1/1/2015: 47.464 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 16(b)).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	10.546.857.273	1.144.378.330	11.691.235.603
Tăng trong năm	-	35.000.000	35.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	9.307.939.139	9.307.939.139
Thanh lý	(5.191.830.000)	-	(5.191.830.000)
Số dư cuối năm	5.355.027.273	10.487.317.469	15.842.344.742
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.015.982.568	1.015.982.568
Khấu hao trong năm	-	614.032.735	614.032.735
Số dư cuối năm	-	1.630.015.303	1.630.015.303
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	10.546.857.273	128.395.762	10.675.253.035
Số dư cuối năm	5.355.027.273	8.857.302.166	14.212.329.439

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	5.652.438.424	46.743.195.461
Tăng trong năm	671.732.905.994	19.247.617.204
Chi phí lãi vay vốn hóa	6.982.087.696	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(592.363.661.339)	(60.338.374.241)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(9.307.939.139)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	82.695.831.636	5.652.438.424

Các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Phần mềm quản lý hoạt động cảng	-	5.652.438.424
Cầu cảng giai đoạn 2 tại Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	77.789.588.624	-
Các công trình khác	4.906.243.012	-
	<hr/>	<hr/>
	82.695.831.636	5.652.438.424

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	454.008.975.825	23.606.004.827	15.174.443.385	492.789.424.037
Tăng trong năm	22.563.993.292	25.133.106.851	6.398.276.721	54.095.376.864
Phân bổ trong năm	(18.796.024.507)	(29.925.379.056)	(10.737.014.525)	(59.458.418.088)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	457.776.944.610	18.813.732.622	10.835.705.581	487.426.382.813

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty Kocks Ardelt Kranbau GmbH	87.421.877.784	-
Công ty Cargotec Belgium NV	27.897.403.100	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình thủy Cienco 1 - Hải Phòng	11.867.951.627	-
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	15.850.750.680	17.655.493.357
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	11.006.744.137	9.868.373.231
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	3.223.038.850	2.842.798.750
Các nhà cung cấp khác	47.035.109.415	58.041.872.937
	204.302.875.593	88.408.538.275

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty liên kết Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	15.850.750.680	17.655.493.357

Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được khấu trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	45.117.515.749	112.620.831.375	(86.914.048.434)	70.824.298.690

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ đã được khấu trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.892.954.643	109.554.501.318	(110.373.476.044)	1.073.979.917
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.768.213.812	69.438.195.679	(72.398.180.449)	13.808.229.042
Thuế thu nhập cá nhân	1.186.006.959	3.251.324.842	(4.042.625.428)	394.706.373
Các loại thuế khác	7.209.731.979	51.118.710.324	(54.490.037.510)	3.838.404.793
	27.056.907.393	233.362.732.163	(241.304.319.431)	19.115.320.125

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Kinh phí công đoàn	4.466.771.369	4.562.984.983
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	6.300.646.340
Cổ tức phải trả	618.280.425	856.259.800
Các khoản thu hộ hãng tàu	53.379.996.481	55.980.616.643
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.660.414.615	3.138.836.317
	62.125.462.890	70.839.344.083

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2015 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động tăng trong năm VND	Biến động giảm trong năm VND	31/12/2015 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.893.101.980	-	(3.893.101.980)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	7.012.140.000	-	7.012.140.000
	3.893.101.980	7.012.140.000	(3.893.101.980)	7.012.140.000

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Khoản vay 1 (i)	USD	4%	2017	9.556.960.000	9.060.880.000
Khoản vay 2 (ii)	VND	7%	2019	10.000.000.000	-
Khoản vay 3 (iii)	VND	6,8%	2025	405.032.021.728	-
				424.588.981.728	9.060.880.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(7.012.140.000)	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				417.576.841.728	9.060.880.000

- (i) Khoản vay này được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 41.273 triệu VND (1/1/2015: 47.464 triệu VND).
- (ii) Khoản vay này được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu và được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao Xanh có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 6.951 triệu VND (1/1/2015: Không).
- (iii) Khoản vay này được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 578.603 triệu VND (1/1/2015: Không).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	39.650.610.822	39.279.896.437
Trích lập trong năm	23.881.991.816	22.864.637.509
Sử dụng trong năm	(29.018.302.379)	(22.493.923.124)
Số dư cuối năm	34.514.300.259	39.650.610.822

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	288.126.500.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	310.151.868.629	24.038.502.000	234.372.392.678	-	883.524.536.837
Góp vốn	-	-	-	-	-	-	157.500.000.000	157.500.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	248.083.625.557	-	248.083.625.557
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	96.376.199.402	4.774.148.000	(101.150.347.402)	-	-
Phân bổ vào quỹ khuyến thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(22.864.637.509)	-	(22.864.637.509)
Cổ tức	57.288.910.000	-	-	-	-	(105.986.876.000)	-	(48.697.966.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.665.000.000)	-	(1.665.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	345.415.410.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	406.528.068.031	28.812.650.000	250.789.157.324	157.500.000.000	1.215.880.558.885
Phân loại lại (Thuyết minh 33)	-	-	-	28.812.650.000	(28.812.650.000)	-	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2015 - Đã phân loại lại	345.415.410.000	37.231.904.775	(10.396.631.245)	435.340.718.031	-	250.789.157.324	157.500.000.000	1.215.880.558.885
Góp vốn	-	-	-	-	-	-	10.675.000.000	10.675.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	279.258.328.386	(2.568.881.030)	276.689.447.356
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	102.223.212.241	-	(102.223.212.241)	-	-
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	(1.090.013.529)	10.396.631.245	-	-	-	-	9.306.617.716
Phân bổ vào quỹ khuyến thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(23.881.991.816)	-	(23.881.991.816)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	68.745.010.000	-	-	-	-	(127.348.522.500)	-	(58.603.512.500)
Thường Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.776.000.000)	-	(1.776.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	15.103.581	2.867.146.419	2.882.250.000
Số dư tại ngày 31/12/2015	414.160.420.000	36.141.891.246	-	537.563.930.272	-	274.832.862.734	168.473.265.389	1.431.172.369.641

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	41.416.042	414.160.420.000	34.541.541	345.415.410.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	41.416.042	414.160.420.000	34.541.541	345.415.410.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	-	-	166.600	10.396.631.245
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	41.416.042	414.160.420.000	34.374.941	335.018.778.755

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2015		2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	34.541.541	345.415.410.000	28.812.650	288.126.500.000
Phát hành cổ phiếu trong năm để trả cổ tức (Thuyết minh 20)	6.874.501	68.745.010.000	5.728.891	57.288.910.000
Số dư cuối năm	41.416.042	414.160.420.000	34.541.541	345.415.410.000

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Cổ tức**

Ngày 23 tháng 3 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền cho năm 2014 với mức 5% mệnh giá cổ phần (500 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 17.187 triệu VND.

Ngày 23 tháng 3 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng phê duyệt việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 20% mệnh giá cổ phần. Ngày 9 tháng 6 năm 2015, Công ty đã phát hành 6.874.501 cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Ngày 27 tháng 7 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm 2015 bằng tiền với mức 10% mệnh giá cổ phần (1.000 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 41.416 triệu VND.

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.868.124.800	4.143.479.440
Trong vòng hai đến năm năm	18.258.139.200	8.157.338.240
Sau năm năm	29.606.255.507	19.382.630.641
	53.732.519.507	31.683.448.321

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.456.748	32.717.050.908	970.945	20.749.094.650

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	8.511.036.000	33.116.526.560

23. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	10.409.790.478	14.595.554.095
Cổ tức	2.700.000.000	-
Lãi từ giao dịch chuyển nhượng các khoản đầu tư	32.649.600	1.241.361.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.317.659.282	322.646.356
	14.460.099.360	16.159.561.451

25. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	913.027.313	413.615.830
Lỗ chênh lệch tỷ giá	746.089.477	70.401.973
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	-	(8.250.000.000)
	1.659.116.790	(7.765.982.197)

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	2.959.624.545	1.321.469.441
Thu nhập khác	1.600.205.046	317.523.400
	<hr/> 4.559.829.591	<hr/> 1.638.992.841

27. Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định và chi phí thanh lý	2.228.008.495	-
Chi phí khác	315.910.069	221.642.013
	<hr/> 2.543.918.564	<hr/> 221.642.013

28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	59.777.704.972	104.259.652.070
Chi phí nhân công	134.407.501.712	111.748.575.948
Chi phí khấu hao và phân bổ	89.728.845.499	73.375.693.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	257.881.657.303	282.570.060.796
Chi phí khác	64.757.210.567	55.551.588.237

29. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	68.176.028.105	54.727.246.588
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	1.262.167.574	(413.520.023)
	<hr/> 69.438.195.679	<hr/> 54.313.726.565

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	346.127.643.035	302.397.352.122
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	76.148.081.468	66.527.417.467
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi	(3.936.293.674)	(3.696.631.977)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng tại các công ty con	(1.327.333.801)	(29.358.768)
Miễn thuế, giảm thuế	(3.045.971.846)	(6.409.021.377)
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	1.107.749.215	1.264.824.751
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(2.803.000.085)	(2.929.983.508)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	2.032.796.828	-
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	1.262.167.574	(413.520.023)
	69.438.195.679	54.313.726.565

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế tại một số công ty con của Công ty bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con này có thể sử dụng các lợi ích thuế của lỗ tính thuế.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động kinh doanh Xí nghiệp Cảng Viconship trong vòng 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2006 đến năm 2015 - đối với cầu cảng số 2) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thông thường.

Theo Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh và Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP, hai công ty con của Công ty, có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và được miễn thuế thu nhập trên lợi nhuận tính thuế trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Các công ty con còn lại có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi trong năm 2014 và 2015 là 22% và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	279.258.328.386	248.083.625.557
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(19.100.000.000)	(23.881.991.816)
	260.158.328.386	224.201.633.741

(*) Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính bằng mức dự kiến trích lập cho cả năm 2015 và mức thực tế trích lập cho cả năm 2014. Các mức dự kiến trích lập và thực tế trích lập này được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua vào ngày 23 tháng 3 năm 2015.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015	2014
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	34.541.541	28.812.650
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại ngày 5 tháng 7 năm 2014	-	5.728.891
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại ngày 9 tháng 6 năm 2015	6.874.501	-
	41.416.042	34.541.541

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Trong năm 2015, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 20). Do vậy, số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được điều chỉnh lại như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	34.541.541	7.182
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận thuần vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 4(r))	-	(691)
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	6.874.501	(1.078)
Số điều chỉnh lại	41.416.042	5.413

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Công ty liên kết		
<i>Công ty TNHH Ngôi sao Xanh Tương lai</i>		
Cung cấp dịch vụ	5.146.333.800	-
Sử dụng dịch vụ	44.990.000	779.184.000
Cổ tức	1.326.519.314	-
<i>Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ</i>		
Sử dụng dịch vụ	70.157.447.736	67.828.811.551
<i>Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng</i>		
Sử dụng dịch vụ	432.922.460	-
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.358.546.699	2.435.322.172
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao	1.776.000.000	1.665.000.000

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Trả cổ tức thông qua phát hành cổ phiếu phổ thông	68.745.010.000	57.288.910.000
Cổ đông thiểu số góp vốn vào công ty con bằng quyền sử dụng đất	-	135.000.000.000

33. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty và các công ty con áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại, như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn	52.105.720.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	52.105.720.000
Phải thu ngắn hạn khác	16.721.618.438	12.353.547.656
Tài sản ngắn hạn khác	-	4.368.070.782
Quỹ đầu tư phát triển	435.340.718.031	406.528.068.031
Quỹ dự phòng tài chính	-	28.812.650.000

Ngày 18 tháng 2 năm 2016

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
 Phó phòng Kế toán

Người duyệt:




Trần Xuân Bạo
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
 Tổng Giám đốc